TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN IA GRAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2023/HSST
Ngày 28 - 9 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Chí Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Đình Xiềng

Bà Nguyễn Thị Lan.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Thái Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Kim Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 49/2023/HSST ngày 31 – 8 - 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2023/QĐXXST-HS ngày 13 – 9- 2023 đối với bị cáo: Nguyễn Văn L, sinh năm 1990 tại tỉnh G; nơi cư trú: thôn T, xã I, huyện Ia, tỉnh G; nghề nghiệp: thợ sửa xe; trình độ văn hóa: học lớp 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Bùi Thị N; vợ là Lê Thị H và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/6/2023 cho đến nay và có mặt tại phiên toà.

** Bị hại:*

- Anh Puih L, sinh năm 1995; trú tại: làng Út, xã I, huyện Ia, tỉnh G. Có mặt.

- Anh Rơ Châm P, sinh năm 2001; trú tại: làng N, xã I, huyện Ia, tỉnh G. Có mặt.

- Anh M, sinh năm 1995; trú tại: làng B, xã I, huyện Ia, tỉnh G. Vắng mặt.

- Anh Puih B, sinh năm 1992; trú tại: làng N, xã I, huyện Ia, tỉnh G. Có mặt.

- Anh Puih I, sinh năm 1998; trú tại: làng N, xã I, huyện Ia, tỉnh G. Có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Trần Văn L, sinh năm 1996; trú tại: Tổ dân phố A, thị trấn I, huyện Ia, tỉnh G. Có mặt.

** Người phiên dịch:* Anh Puih D. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên Nguyễn Văn L đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản bằng thủ đoạn gian dối nhận làm hồ sơ sang tên giấy tờ xe mô tô và làm giấy phép lái xe cho người khác. Cụ thể như sau:

Lần thứ nhất, ngày 23/12/2022 anh Puih L đếm tiệm sửa xe của Long thuộc thôn T, xã I, huyện Ia, tỉnh G mua một xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 81E1-xxxxx với giá 8.500.000đ. Tuy nhiên do chiếc xe trên có giấy chứng nhận đăng ký đứng tên Phạm Thanh T, địa chỉ: xã Đ, huyện M, tỉnh G, nên L nói với anh L là sẽ nhận làm hồ sơ sang tên đổi chủ cho anh L với giá 800.000đ thì anh L đồng ý. Ngày 26/12/2022 anh L mang giấy chứng nhận đăng ký xe, xe mô tô nói trên và số tiền 500.000đ đến giao cho L. Sau đó L đem toàn bộ giấy đăng ký xe và xe mô tô nói trên đến cửa hàng xe máy A do anh Trần Văn L làm chủ bán được 5.000.000đ. Bị cáo tiêu xài cá nhân hết số tiền này.

Lần thứ hai, anh Rơ Châm P có một xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển kiểm soát 81B2-xxxxx nhưng giấy đăng ký xe mang tên Trần Xuân T, địa chỉ: xã C, huyện C, tỉnh G. Sau nhiều lần đến sửa xe tại tiệm của L thì L nói với anh P là có thể làm hồ sơ sang tên đổi chủ cho anh P với giá 800.000đ thì anh P đồng ý. Khoảng tháng 12/2022 anh P mang xe, giấy đăng ký xe và 800.000đ đến đưa cho L để làm giấy tờ; L viết giấy hẹn 05 ngày anh P đến lấy xe. Tuy nhiên sau đó L đem giấy đăng ký xe và xe mô tô nói trên bán cho anh Trần Văn L với giá 20.000.000đ. Bị cáo tiêu xài cá nhân hết số tiền này.

Lần thứ ba, anh M có xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Satria, màu đỏ đen, biển kiểm soát 81B2-xxxxxx nhưng giấy đăng ký xe mang tên L, địa chỉ xã G, huyện Đ, tỉnh G. Sau nhiều lần đến sửa xe tại tiệm sửa xe của L, thì L nói với anh M là có khả năng làm hồ sơ sang tên cho anh M với giá 300.000đ, thì anh M đồng ý. Khoảng tháng 12/2022 anh M đem giấy đăng ký xe cùng với xe mô tô và 300.000đ đến đưa cho L để làm giấy tờ xe. Sau đó L đem giấy tờ xe và xe mô tô của anh M bán cho anh Trần Văn L với giá 21.000.000đ. Bị cáo tiêu xài cá nhân hết số tiền này.

Lần thứ tư, anh Puih B có xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển kiểm soát 94B1-xxxxx nhưng giấy đăng ký xe đứng tên Nguyễn Mỹ X, địa chỉ ấp A, xã An, huyện Đ, tỉnh B. Sau nhiều lần đến sửa xe tại tiệm của L thì L nói với anh B là có thể là hồ sơ sang tên đổi chủ cho anh B với giá 800.000đ thì anh B đồng ý. Khoảng tháng 12/2022 anh B mang xe, giấy đăng ký xe và 800.000đ đến đưa cho L để làm giấy tờ, L hẹn 05 ngày đến lấy xe. Tuy nhiên sau đó L đem giấy đăng ký xe và xe mô tô nói trên bán cho anh Trần Văn L với giá 15.000.000đ. Bị cáo tiêu xài cá nhân hết số tiền này.

Lần thứ năm, ngày 16/01/2023 anh Puih I nói chuyện với L thì L nói có khả năng

làm giấy phép lái xe mô tô và hồ sơ sang tên xe cho anh Iên với giá 2.200.000đ thì anh Iên đồng ý. Sau đó anh Iên mang đến nhà L một xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển kiểm soát 81B3-XXXXXX của mình cùng với giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị L, địa chỉ: thôn 2, xã I, huyện Ia và số tiền 2.200.000đ giao cho L. Sau đó L đem giấy đăng ký xe và xe mô tô nói trên bán cho anh Trần Văn L với giá 13.000.000đ. Bị cáo tiêu xài cá nhân hết số tiền này.

* Tại bản kết luận định giá tài sản số 15/KL-HĐĐGTS ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Ia Grai, kết luận như sau:

Xe mô tô hai bánh, loại Exciter, nhãn hiệu Yamaha, màu xanh bạc, biển kiểm soát 81B2-xxxxxx, số khung xxxxxY163430, số máy xxxxxxxx, thời điểm định giá tháng 12/2022 là 19.668.000đ.

Xe mô tô hai bánh, loại Satria, nhãn hiệu Suzuky, màu đỏ đen, biển kiểm soát 81B2-xxxxx, số khung xxxxxL11EZKJ197066, số máy xxxxxD197164, thời điểm định giá tháng 12/2022 là 21.000.000đ.

Xe mô tô hai bánh, loại Sirius, nhãn hiệu Yamaha, màu đen, biển kiểm soát 81E1-xxxxx, số khung xxxxx4610, số máy xxxx3084617, thời điểm định giá tháng 12/2022 là 5.333.000đ.

* Tại bản kết luận định giá tài sản số 21/KL-HĐĐGTS ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Ia Grai, kết luận như sau:

Xe mô tô hai bánh, loại Exciter, nhãn hiệu Yamaha, màu đỏ, biển kiểm soát 81B3-xxxxx, số khung xxxxx10FY109282, số máy xxxxxxxx121887, thời điểm định giá tháng 01/2023 là 22.000.000đ.

Xe mô tô hai bánh, loại Exciter, nhãn hiệu Yamaha, màu xanh bạc đen, biển kiểm soát 94B1-xxxxx, số khung xxxxx429814, số máy xxxxxx29, thời điểm định giá tháng 01/2023 là 20.666.667đ.

Ngoài ra Nguyễn Văn L đã nhận số tiền 800.000đ của anh Rơ Châm P, 500.000đ của anh Puih L, 300.000đ của anh M, 800.000đ của anh Puih B và 2.200.000đ của anh Puih I. Tổng cộng là 4.600.000đ.

Tổng giá trị tài sản Nguyễn Văn L đã chiếm đoạt của các bị hại là 93.267.667đ.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu giữ toàn bộ các xe mô tô cùng với giấy đăng ký xe trả lại cho các bị hại.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho anh Puih L 2.000.000đ, anh M 1.300.000đ, anh Puih B 3.000.000đ, anh Puih I 2.800.000đ và họ không có yêu cầu gì.

Cáo trạng số 48/CT-VKS ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Viện kiểm sát Nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

** Diễn biến tại phiên toà:*

Về trách nhiệm hình sự: Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã mô tả. Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt. Các bị hại có mặt tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Puih L, Puih B và anh Puih I đã được bị cáo bồi thường thiệt hại, đã nhận lại các tài sản nên không có yêu cầu gì. Bị hại anh Rơ Châm P yêu cầu bị cáo bồi thường 3.000.000đ. Anh Trần Văn L yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 74.000.000đ. Bị cáo chấp nhận bồi thường cho anh Rơ Châm P 3.000.000đ và trả cho anh Trần Văn L 74.000.000đ, nhưng hiện nay chưa có tiền để bồi thường.

* Trình bày luận tội, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản " và đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; Điều 38; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù. Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh P 3.000.000đ, bồi thường cho anh Trần Văn L 74.000.000đ. Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

[1]. Hoạt động của các cơ quan và người tiến hành tố tụng: Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng hiện hành; các tài liệu, chứng cứ thu thập được có tại hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Trong khoảng thời gian từ ngày 23/12/2022 đến ngày 16/01/2023, bị cáo đã đưa ra các thông tin gian dối là có thể làm được hồ sơ đăng ký sang tên, đổi chủ xe mô tô và làm giấy phép lái xe mô tô để cho các bị hại tin tưởng giao xe mô tô, giấy đăng ký và tiền cho bị cáo để thực hiện. Sau khi có được giấy đăng ký xe mô tô, xe mô tô và tiền, bị cáo đã chiếm đoạt tiền và xe mô tô đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại là 93.267.667đ. Do đó hành vi của bị cáo đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung "Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50.000.000đ đến dưới 200.000.000đ" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội danh theo điều khoản như trên của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh

hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an ở địa phương. Do đó bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hành vi của mình.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, đã bồi thường thiệt hại cho một số người bị hại và được họ đề nghị giảm nhẹ hình phạt. Do đó được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thực hiện hành vi 05 lần chiếm đoạt tài sản, mỗi lần đã đủ yếu tố cấu thành một tội độc lập, do đó bị cáo phải bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là " Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xét mặc dù bị cáo đã phạm tội 05 lần, nhưng không có căn cứ chứng minh bị cáo đều lấy các lần phạm tội đó làm nghề sinh sống, lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính. Do đó bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội có tính chuyên nghiệp" quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4]. Về hình phạt: Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để bị cáo có cơ hội cải tạo thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời cũng là để răn đe và phòng ngừa chung.

[5]. Về hành vi của anh Trần Văn L: Anh Trần Văn L là chủ cửa hàng xe máy A, là người mua các xe mô tô do bị cáo chiếm đoạt được của người khác. Tuy nhiên, khi mua xe do bị cáo nói là xe mua lại của người khác bán lại kiếm lời và có giấy tờ đầy đủ nên anh L đã tin tưởng mua, đồng thời có lập các hợp đồng mua bán xe mô tô. Do đó Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không xem xét trách nhiệm hình sự của anh L trong vụ án này là có căn cứ pháp luật.

[6]. Đối với các bị hại có các xe mô tô nhưng giấy đăng ký đứng tên người khác. Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã xác minh họ mua bán chiếc xe mô tô nói trên là hợp pháp, không phát hiện dấu hiệu tội phạm. Do đó Hội đồng xét xử không đề cập đến nữa.

[7]. Về trách nhiệm dân sự:

Đối với các bị hại Puih L, M, Puih B và Puih I đã được bị cáo bồi thường thiệt hại, đã nhận lại các tài sản và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với bị hại anh Rơ Châm P yêu cầu bị cáo bồi thường 3.000.000đ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn L yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 74.000.000đ. Tại phiên tòa bị cáo chấp nhận bồi thường và trả lại tài sản, do đó căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, 586 và Điều 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo phải bồi thường cho anh P 3.000.000đ, trả lại cho anh Trần Văn L 74.000.000đ.

[8]. Về án phí: Căn cứ vào điểm a và c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự; điểm a và c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 36 *(ba mươi sáu)* tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/6/2023.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải bồi thường cho anh Rơ Châm P 3.000.000đ *(ba triệu đồng);* trả lại cho anh Trần Văn L 74.000.000đ *(bảy mươi bốn triệu đồng).*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 3.850.000đ *(ba triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí dân sự để sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo, các bị hại có mặt và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Ia Grai;
- Công an huyện Ia Grai;
- Cơ quan THAHS CA huyện Ia Grai;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ CA huyện Ia Grai;
- Chi cục THADS huyện Ia Grai;
- Lưu hồ sơ/VP.

Đặng Chí Công